

CÔNG NĂNG CỦA NGÀN MẮT NGÀN TAY

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT vì muốn cứu độ chúng sanh nên hiển thị ngàn tay ngàn mắt, với ngàn mắt sinh ra 1000 vị Phật đời Hiền Kiếp, và ngàn tay sinh ra 1000 vị Chuyển Luân Thánh Vương. Khi Bồ Tát hiện ra thân Thắng Ma này thì tất cả chúng sanh trong Thế Giới đều được tiêu trừ tội chướng, xa lìa ba nẻo ác và đều được tái sanh vào cõi người, cõi Trời. Do vậy ngàn tay biểu thị cho phương tiện hoá độ thiện xảo và ngàn mắt biểu thị cho Trí Tuệ quán sát tỏ tường muôn sự. Nói theo cách khác thì ngàn mắt biểu thị cho tinh thần Chân Không của Bát Nhã, còn ngàn tay biểu thị cho tinh thần Diệu Hữu của Bát Nhã. Biểu tượng này nhằm đánh thức Tuệ Giác của chúng sanh khiến cho họ xa lìa sự chấp Thường, chấp Đoạn để đi vào Trung Đạo đồng thời giúp cho người tu hành tìm thấy sự giác ngộ trong công việc độ sanh cũng như tìm thấy sự giải thoát giữa biển sanh tử phiền não, tức không từ bỏ Pháp Tu cũng không từ bỏ cuộc đời và đây chính là nghĩa chân thật của Tâm Đại Bi vậy.

Theo *Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh* thì ngàn tay là tổng số tay làm lợi ích cho 25 HỮU trong đó một HỮU thường có 40 tay hóa độ.

Lại nữa, khi Quán Tự Tại Bồ Tát nhập vào Tam Muội VÔ SỞ ÚY (Abhayam samādhi) thì trong ánh sáng Tam Muội hiện ra 25 vị Bồ Tát, mỗi vị đều có 11 mặt 40 tay, chúng đấng 25 Tam Muội. Riêng thân hiển thị ở **Nam Thiệm Bộ Châu** (Jambudvīpa) là 40 pháp hóa độ của **Thí Vô Úy Quán Tự Tại Bồ Tát** (Abhayamāda Avalokiteśvara Bodhi-satva).

40 pháp (tức 40 tay) được hoá hiện thành 40 vị Quán Tự Tại, mỗi một vị đều có 11 mặt 2 cánh tay, mỗi một tay cầm vật khác nhau, y theo cầu nguyện khác nhau của chúng sanh mà ban bố cho

CÁC TÔN QUÁN TỰ TẠI	VẬT CẦM
(1) Ma Ni Dữ Nguyện Quán Tự Tại	Hai tay bên trái bên phải cầm viên ngọc Ma Ni
(2) Trì Sách Quán Tự Tại	Tay trái cầm sợi dây , tay phải nắm quyền để ở giữa eo
(3) Bảo Bát Quán Tự Tại	Hai tay bên trái bên phải để ở trên rón cầm cái Bát báu
(4) Bảo Kiếm Quán Tự Tại	Tay trái kết Địa Thủy Phong ấn khế, tay phải cầm cây Kiếm
(5) Kim Cương Quán Tự Tại	Tay trái nắm quyền để ở giữa eo, tay phải cầm cái Chày Tam Cổ
(6) Trì Xử Quán Tự Tại	Tay trái nắm quyền để ở giữa eo
(7) Trừ Bồ Quán Tự Tại	Tay trái 5 ngón tay rũ xuống biểu lộ lòng bàn tay, tay phải 5 ngón tay nắm quyền, lòng bàn tay để ở trên vú.
(8) Nhật Tinh Quán Tự Tại	Tay trái cầm Nhật Tinh , tay phải nắm quyền ngửa lên trên
(9) Nguyệt Tinh Quán Tự Tại	Tay trái cầm Nguyệt Tinh , tay phải duỗi năm ngón tay xoa thân
(10) Bảo Cung Quán Tự Tại	Hai tay cầm cây Cung báu
(11) Tóc Trị Quán Tự Tại	Tay trái cầm đuôi mũi tên , tay phải cầm đầu mũi tên .

(12) Dược Vương Quán Tụ Tại	Tay trái để ở trên vú hiện chưởng (hiện rõ lòng bàn tay), tay phải cầm cành Dương Liễu
(13) Phát Nạn Quán Tụ Tại	Tay trái cầm cây phát trần trắng , tay phải co cánh tay lòng bàn tay hướng ra ngoài
(14) Trì Bình Quán Tụ Tại	Tay trái để cái Hồ Bình ở dưới, tay phải cầm cái Hồ Bình
(15) Hiện Nộ Quán Tụ Tại	Tay trái hướng ra ngoài cầm cái hình Bàng Bài , tay phải kết quyền ấn
(16) Chấn Nạn Quán Tụ Tại	Tay trái nắm quyền để ở giữa eo, tay phải cầm cây Búa
(17) Trì Hoàn Quán Tụ Tại	Tay trái cầm cái vòng ngọc để ở ngực, tay phải lật úp cái vòng ngọc
(18) Phân Trà Lợi Quán Tụ Tại	Tay trái cầm Hoa Sen trắng , tay phải kết Ấn Thuyết Pháp
(19) Kiến Phật Quán Tụ Tại	Tay trái để ở trên vú, hiện chưởng, tay phải cầm Hoa Sen xanh
(20) Kính Trí Quán Tụ Tại	Tay trái cầm cái Gương báu để ở ngực, tay phải kết Trí Quyền Ấn
(21) Kiến Liên Quán Tụ Tại	Tay trái để ở ngực ngửa lên trên, tay phải cầm Hoa Sen tím
(22) Kiến Ấn Quán Tụ Tại	Hai tay cầm cái Rương báu
(23) Tiên Vân Quán Tụ Tại	Hai tay cầm cái áo Trời (Thiên Y Đoan)
(24) Thiên Định Quán Tụ Tại	Hai tay kết Pháp Giới Định Ấn
(25) Thiên Hoa Quán Tụ Tại	Tay trái cầm Hoa Sen đỏ , tay phải co cánh tay lại
(26) Phá Tặc Quán Tụ Tại	Tay trái cầm cây Kịch , tay phải mở ra để ở eo phải
(27) Niệm Châu Quán Tụ Tại	Tay trái để ở eo, tay phải cầm tràng hạt
(28) Trì Loa quán Âm	Tay trái cầm con Ốc báu , tay phải kết Quyền ấn, co ngón áp út, hiện bày thế vời gọi
(29) Phộc Quỷ Quán Tụ Tại	Tay trái để ở giữa eo, tay phải cầm cây Gậy đầu lâu
(30) Pháp Âm Quán Tụ Tại	Tay trái cầm cái lệnh Kim Cương , tay phải kết Quyền ấn để ở giữa eo
(31) Trí Ấn Quán Tụ Tại	Tay trái nắm quyền để ở eo, tay phải cầm cái Ấn báu để ở ngực
(32) Câu Triệu Quán Tụ Tại	Tay trái cầm cái móc câu , tay phải nắm quyền để ở giữa eo
(33) Từ Trọng Quán Tụ Tại	Tay trái để trên rốn, tay phải cầm cây Tích Trọng
(34) Hiện Kính Quán Tụ Tại	Tay trái: trên lòng bàn tay an trí vị Hóa Phật , tay phải: ngón tay an trí tòa

	vị Hóa Phật
(35) Bát Ly Quán Tự Tại	Hai tay để ở ngực, chấp tay lại
(36) Đại Thế Quán Tự Tại	Tay trái hiện hình Cung Điện , tay phải co cánh tay và đưa lòng bàn tay hướng ra ngoài
(37) Bát Nhã Quán Tự Tại	Tay trái hiện cái Phạn Khiếp , tay phải cầm quyển Kinh Bát Nhã Lý Thú
(38) Bất Chuyển Quán Tự Tại	Tay trái hiện tướng chằng lui chuyển, tay phải cầm cái Chày Kim Cương
(39) Quán Đỉnh Quán Tự Tại	Trên đỉnh an trí vị Hóa Phật
(40) Hộ Địa Quán Tự Tại	Tay trái kết Thí Nguyện ấn khế, tay phải cầm chùm Bồ Đào

40 pháp (tức 40 tay) biểu thị cho **5 Trí Tuệ của Như Lai** nhằm minh họa cho vạn Đức cứu cánh là:

1.NHƯ LAI BỘ (Tathāgata-kulāya): biểu thị cho **Pháp Giới Thể Tính Trí** (Dharma-dhātu-prakṛti-jñāna) là cái Trí thâm nhập khắp nơi của Pháp Giới, 8 tay thuộc Bộ này là: Hóa Phật, Dây Lụa, Thí Vô Úy, Phát Trần Trắng, Bàng Bài, Việt Phủ, Kích Báu, Dương Liễu minh họa cho Pháp **Tức Tai** Śāntika) là pháp tiêu trừ các loại bệnh nạn, việc ác của thân mình hoặc người khác.

2.KIM CANG BỘ (Vajra-kulāya): biểu thị cho **Đại Viên Kính Trí** (Adarśa-jñāna) là cái Trí phản chiếu mọi sự vật mà không dính mắc vào sự vật nào, cũng không bị sự vật ấy động chạm hay lay động được. Có 8 tay thuộc Bộ này là Bạt Chiết La (Tam Cổ Kim Cương), Chày Kim Cương (Độc Cổ Kim Cương) Kiếm báu, Cung điện, Bánh xe vàng (Kim Luân), Bát báu, Nhật Tinh Ma Ni, Nguyệt Tinh Ma Ni minh họa cho Pháp **Điều Phục** (Abhicāruka) là pháp tu chiết phục các nhóm ác hoặc điều phục các người ác.

3. BẢO BỘ (Ratna-kulāya): biểu thị cho **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna) là cái trí phô bày tâm thức Từ Bi Bình Đẳng. Tám tay thuộc Bộ này là: Ngọc Như Ý, Kinh Báu, cây Cung Báu, Hoa Sen Trắng, Hoa Sen xanh, Chuông báu, Hoa Sen tím, Chùm Bồ Đào minh họa cho Pháp **Tăng Ích** (Puṣṭika) là pháp tu tăng ích về Trí Tuệ, Phước Đức, Thọ Mệnh cho mình và người khác .

4.LIÊN HOA BỘ (Padma-kulāya): biểu thị cho **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyavekṣana-jñāna) là sự quán tưởng của Trí xem xét mọi tướng chung, tướng riêng của các pháp mà không hề bị ngăn ngại. Tám tay thuộc Bộ này là: Hợp Chuông, Gương báu, Ấn báu, Vòng ngọc, Hồ Bình, Quân Trì Bình, Hoa Sen hồng, Tích Trượng minh họa cho Pháp **Kính Ái** (Vaśikaraṇa) là pháp tu cho mình và người khác được Chư Phật, Bồ Tát gia hộ hoặc muốn được Quân Vương và mọi người yêu thương giúp đỡ.

5.YẾT MA BỘ (Karma-kulāya): biểu thị cho **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna) là cái trí khéo léo thi hành mọi việc của thế gian chuyển chúng thành phương tiện giải thoát. Tám tay thuộc Bộ này là: Thiết Câu, Đỉnh Thượng Hóa Phật, Tràng Hạt, Hoa Báu, mũi Tên Báu, Rương báu, Độc Lâu, Mây Ngũ Sắc minh họa cho Pháp **Câu Triệu** (Ākarṣaṇi) là pháp triệu thỉnh Bản Tôn, chư Thần. Thông thường thì pháp này thường được nhiếp trong Kính Ái .

Như vậy 40 tay này thông cả 5 loại Pháp **Hộ Ma** (Homa), xong bình thường theo lời Thầy dạy thì chỉ nhấn mạnh vào 2 pháp tu **TỨC TAI** và **KÍNH ÁI** mà thôi.

-TỖ CẬU ĐÊ (Bhṛkuṭi): Tỳ câu đê theo tiếng Phạn nghĩa là nếp nhăn. Do nếp nhăn trên vàng trán là hình phần nộ nên Tỳ Câu Đê biểu thị cho Đức **Giáng Phục** (Abhicāruka). Chân Ngôn là :

ॐ नमोऽस्मिन् बुद्धाय नमोऽस्मिन् त्रयसु त्रयसु

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM (Quy mệnh khắp cả chư Phật) SARVA BHAYA (tất cả sự đáng sợ) TRASANI (ba tâm tham lợi) SPHATYA (phá bại tất cả) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

Từ các ý nghĩa này mà Quỹ ghi là “**Ở 4 góc của lầu gác báu có 4 Vị Bồ Tát Bạch Y, Đại Bạch Y, Đa La, Tỳ Câu Đê cùng với vô lượng chúng của Liên Hoa Bộ trước sau vây quanh**”

Riêng một số vị Đạo Sư Tây Tạng đối với Quán Âm Pháp để tăng cường sức mạnh gia hộ của Bản Tôn cho người tu hành thì mỗi bộ đều có một cách quy mệnh kính lễ riêng:

1.NHƯ LAI BỘ:

NAMA RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)

NAMAḤ ĀRYA-JÑĀNA-SĀGARĀYA VAIROCANA-VYŪHA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

(Kính lễ Thánh Trí Hải Biên Chiếu Trang Nghiêm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chính Đẳng Chính Giác)

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA, MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA.

2.KIM CƯƠNG BỘ:

NAMA RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)

NAMAḤ ĀRYA-JÑĀNA-SĀGARĀYA AKṢOBHYA-VYŪHA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

(Kính lễ Thánh Trí Hải Bất Động Trang Nghiêm Vương Như Lai ,Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác)

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA, MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA.

3.LIÊN HOA BỘ:

NAMA RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)

NAMAḤ ĀRYA-JÑĀNA-SĀGARĀYA AMITĀBHA-DEVA-VYŪHA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

(Kính lễ Thánh Trí Hải Vô Lượng Quang Thiên Trang Nghiêm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chính Đẳng Chính Giác)

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA, MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA.

4.BẢO BỘ:

NAMA RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)

NAMAḤ ĀRYA-JÑĀNA-SĀGARĀYA RATNA-SAMBHAVA-VYŪHA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

(Kính lễ Thánh Trí Hải Bảo Sinh Trang Nghiêm Vương Như Lai, Ứng Cúng , Chính Đẳng Chính Giác)

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA, MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA.

5. YẾT MA BỘ:

NAMA RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)

NAMAḤ ĀRYA-JÑĀNA-SĀGARĀYA AMOGHA-SIDDHI-VYŪHA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

(Kính Lễ Thánh Trí Hải Bất Không Thành Tựu Trang Nghiêm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chính Đẳng Chính Giác)

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA, MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA.

BẢNG TÓM TẮT PHÁP TU CỦA 5 LOẠI PHÁP HỘ MA

CHUNG LOẠI	TỨC TAI	ĐIỀU PHỤC	TẶNG ÍCH	KÍNH ÁI	CẦU TRIỆU
5 Bộ	Phật Bộ	Kim Cương Bộ	Bảo Bộ	Liên Hoa Bộ	Yết Ma Bộ
5 Trí	Pháp Giới Thể Tính Trí	Đại Viên Kính Trí	Bình Đẳng Tính Trí	Diệu Quán Sát Trí	Thành Sở Tác Trí
Hình lò	tròn	Tam giác	vuông	Cánh sen	Kim Cương
Vành của lò	Vành xe	Độc Cổ	Tam Cổ	Hoa sen	Móc câu
Màu	Trắng	đen	vàng	Đỏ	Tạp sắc
Cây	Cây ngọt	Cây đắng	Cây có quả	Cây có hoa	Cây có gai
Lúc bắt đầu	Đầu đêm	Ban ngày	Buổi sáng	Ban đêm	Tất cả thời
Hướng	Bắc	Nam	Đông	Tây	Các phương
Thế ngồi	Cát Tường	Tông Cú (ngồi xôm)	Toàn Già	Hiền	Bán Già
Ngày	01 đến 08	16 đến 23	9 đến 15	24 đến hết tháng	Tất cả ngày